

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 27- 7- 2023

V/v: “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Sang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Văn Hiền

2. Bà Nguyễn Thị Thu Dung

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thuyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lệ – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức xét xử trực tuyến sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2023/TLST- HNGĐ, ngày 13 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1985; địa chỉ: t 1, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi

2. *Bị đơn:* Anh Trần Hoàng Đ, sinh năm 1981; địa chỉ: t 1, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi;

Nguyên đơn có mặt và bị đơn vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/01/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị với anh Trần Hoàng Đ có tình cảm, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tại địa phương vào tháng 7/2017; vợ chồng tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 12/9/2017 tại UBND xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại, t 1, xã Đ. Quá trình chung sống thì giữa chị và anh Đ thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, sống không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Đ ghen tuông, không tin tưởng vào chị, nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Khi xảy ra mâu thuẫn hai bên gia đình có động viên, nhưng anh Đ vẫn không thay đổi, làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng,

không có hướng khắc phục. Vợ chồng chị đã sống ly thân gần một năm, không quan tâm gì đến nhau. Nay, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Trần Hoàng Đ

Về con chung: Chị và anh Đ có 01 con chung tên Trần Gia H, ngày 01/10/2017. Hiện con chung đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung, chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12/6/2023, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Hoàng Đạo trình bày: Anh Đ và chị Nguyễn Thị L là tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào năm 2017. Quá trình chung sống có xảy ra nhiều mâu thuẫn, nên không thể sống với nhau được và hiện nay anh, chị đã sống ly thân với nhau. Nay chị L yêu cầu ly hôn, anh Đ đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Gia H, sinh ngày 01/10/2017. Khi ly hôn, anh Đ yêu cầu được nuôi con chung, anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, về nợ chung: Không có

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị L được ly hôn anh Trần Hoàng Đ; giao con chung Trần Gia H, sinh ngày 01/10/2017 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị L không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét. Tài sản chung và nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Ngoài ra, đương sự còn chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại thời điểm chị Nguyễn Thị L khởi kiện thì anh Trần Hoàng Đ đang cư trú tại t 1, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức thụ lý vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Hoàng Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ, nhưng vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Đ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Hoàng Đ tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 12 tháng 9 năm 2017. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Trần Hoàng Đ là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L và ý kiến của bị đơn anh Trần Hoàng Đ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo trình bày của chị L thì sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc; thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do Đ ghen tuông, không tin tưởng chị; nên xảy ra cãi vã, bất động quan điểm sống; chị L đã khuyên nhủ, động viên, nhưng anh Đ không thay đổi, làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không có hướng khắc phục. Giữa chị L và anh Đ đã sống ly thân gần một năm cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Do đó, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ. Trong quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán đã động viên chị L đoàn tụ với anh Đ, nhưng chị L vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn anh Đ. Hơn nữa, bị đơn anh Đ cũng thừa nhận giữa anh và chị L đã xảy ra mâu thuẫn không thể nào chung sống với nhau và anh, chị đã sống ly thân nhau. Nay, chị L yêu cầu ly hôn, anh Đ cũng đồng ý ly hôn.

Từ những nhận định trên, có căn cứ xác định: Mâu thuẫn giữa chị L và anh Đ là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị L yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L.

[2.2] Về con chung: Theo lời khai của nguyên đơn, bị đơn và những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có căn cứ xác định chị Nguyễn Thị L và anh Trần Hoàng Đ có 01 con chung tên Trần Gia H, sinh ngày 01/10/2017. Khi ly hôn, chị L và anh Đ đều có nguyện vọng được nuôi con chung. Xét việc giao con cho ai nuôi dưỡng phải đảm bảo điều kiện về mọi mặt cho con chung; cháu Trần Gia H là nữ phải cần sự chăm sóc, hướng dẫn của mẹ để phát triển tâm sinh lý sau này và hiện cháu H đang do chị L chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của chị L được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Gia H.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu anh Trần Hoàng Đ cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, về nợ chung: Chị L và anh Đ trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các điều 227, 228, 144, 147, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Trần Hoàng Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Gia H, sinh ngày 01/10/2017 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Đ không cấp dưỡng cho con.

Anh Trần Hoàng Đ có quyền nghĩa vụ thăm con chung mà không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị L và anh Đ trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí do chị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005380 ngày 23/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hay bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi
- VKSND huyện Mộ Đức
- Chi cục THADS huyện Mộ Đức
- Các đương sự;
- UBND xã Đức Chánh;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Sang